

Số: 572/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025
nguồn thu tiền sử dụng đất

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 36

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025;*

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 114/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022 – 2025;

Xét Tờ trình số 673/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025, Báo cáo số 853/BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1224/BC-KTNS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất, như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 197.000 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ: Phân bổ 197.000 triệu đồng thực hiện 100 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công nguồn thu tiền sử dụng đất.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 36 thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

PHÓ CHỦ TỊCH



Vi Đức Thọ

PHẦN BỐ CHỈ THIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 572/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao tiền	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021– 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết 10/10/2025		
				Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh						
	TỔNG SỐ	100		3.231.314	2.614.085	1.257.108	1.155.673	1.422.806	158.882	197.000	
A	DỰ ÁN HOÀN THÀNH	52		278.743	117.666	213.170	249.887	79.223	19.300	36.717	
I	Văn hóa, thể thao, Du lịch	1		18.100	2.023	12.844	14.867	2.023		2.023	
1	Dự án Công trình phụ trợ hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Sơn La	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi (trước đây là Trung tâm tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Sơn La)	177- 24/01/2011; 2555- 03/11/2011	18.100	2.023	12.844	14.867	2.023		2.023	
II	Dự án thanh toán khối lượng hoàn thành	1		81.000	11.000	71.334	78.934	9.666	2.000	7.600	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	2049/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	81.000	11.000	71.334	78.934	9.666	2.000	7.600	
III	An ninh trật tự, an toàn xã hội	50		179.643	104.643	128.992	156.086	67.534	17.300	27.094	
1	Trụ sở làm việc Công an Mường Bang, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2738/QĐ-CAT-PH10 ngày 27/11/2023	3.700	2.200	2.700	3.080	2.200	1.590	380	
2	Trụ sở làm việc Công an Mường Do, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2720/QĐ-CAT-PH10 ngày 27/11/2023	3.700	2.200	2.600	2.920	2.200	1.100	320	
3	Trụ sở làm việc Công an Tường Thượng, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2723- 27/11/2023	3.700	2.200	2.530	3.530	1.200	30	1.000	
4	Trụ sở làm việc Công an Tường Tiến, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2722- 27/11/2023	3.700	2.200	2.000	3.400	1.700		1.400	

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết 10/10/2025		
				Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh						
5	Trụ sở làm việc Công an Tường Phong, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2721- 27/11/2023	3.700	2.200	2.337	3.557	1.400	37	1.220	
6	Trụ sở làm việc Công an Suối Tọ, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	122- 11/12/2023	3.700	2.200	2.320	3.000	1.400	20	680	
7	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Công an tỉnh	2713- 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	2.370	1.500		170	
8	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Công, huyện Mường La	Công an tỉnh	2733- 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	3.080	2.200		1.580	
9	Trụ sở làm việc Công an xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Cổng an tỉnh	2714- 27/11/2023	3.700	2.200	2.300	3.320	1.400		1.020	
10	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Muôn, huyện Mường La	Cổng an tỉnh	2716- 27/11/2023	3.700	2.200	2.100	3.030	1.600		930	
11	Trụ sở làm việc Công an xã Phiềng Côn, huyện Bắc Yên	Cổng an tỉnh	2735- 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	2.820	1.500		620	
12	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên	Cổng an tỉnh	2718- 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	3.530	1.500		1.330	
13	Trụ sở làm việc Công an xã Song Pe, huyện Bắc Yên	Cổng an tỉnh	2719- 27/11/2023	3.700	2.200	2.339	3.349	1.400	39	1.010	
14	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Cổng an tỉnh	2736- 27/11/2023	3.302	1.802	2.600	3.100	1.102	400	500	
15	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	Cổng an tỉnh	2737- 27/11/2023	2.780	1.280	2.500	2.600	580	300	100	
16	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Vá, huyện Sốp Cộp	Cổng an tỉnh	2729- 27/11/2023	3.094	1.594	1.900	2.850	1.594	400	950	
17	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	Cổng an tỉnh	2734- 27/11/2023	2.917	1.417	2.500	2.670	717	300	170	
18	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	Cổng an tỉnh	2743- 27/11/2023	4.249	2.749	2.500	3.817	1.749		1.317	
19	Trụ sở làm việc Công an xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Cổng an tỉnh	2740- 27/11/2023	2.994	1.494	2.400	2.705	594		305	
20	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu	Cổng an tỉnh	2741- 27/11/2023	3.646	2.146	2.500	3.300	1.446	300	800	
21	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	Cổng an tỉnh	2742- 27/11/2023	3.022	1.522	2.640	2.798	1.522	1.140	158	

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết 10/10/2025		
				Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh						
22	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Sai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2710- 27/11/2023	3.972	2.472	3.100	3.500	872		400	
23	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Hung, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2711- 27/11/2023	3.320	1.820	2.600	2.950	720		350	
24	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Cai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2712- 27/11/2023	3.763	2.263	3.100	3.570	663		470	
25	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	3050- 08/12/2023	4.009	2.509	3.400	3.740	609		340	
26	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2725- 27/11/2023	3.700	2.200	3.200	3.310	500		110	
27	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Pằn, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2747- 28/11/2023	3.700	2.200	2.700	3.120	1.000		420	
28	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2728- 27/11/2023	3.700	2.200	2.700	2.960	1.000		260	
29	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2729- 27/11/2023	3.700	2.200	2.700	3.100	1.000		400	
30	Trụ sở làm việc Công an xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2726- 27/11/2023	3.700	2.200	2.500	2.960	1.200		460	
31	Trụ sở làm việc Công an xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2730- 27/11/2023	3.763	2.263	2.500	2.800	1.536	300	300	
32	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2731- 27/11/2023	2.930	1.430	2.520	2.630	1.430	1.020	110	
33	Trụ sở làm việc Công an xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2732- 27/11/2023	3.124	1.624	2.300	2.760	1.124	300	460	
34	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2733- 27/11/2023	3.011	1.511	2.600	2.760	1.511	1.100	160	
35	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Co Tòng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2791- 27/11/2023	3.700	2.200	2.900	3.353	2.200	1.400	453	
36	Trụ sở làm việc Công an xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2793- 28/11/2023	3.700	2.200	2.700	3.013	1.400	400	313	
37	Trụ sở làm việc Công an xã Pá Lông, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2795- 28/11/2023	3.700	2.200	3.000	3.489	1.100	400	489	
38	Trụ sở làm việc Công an xã É Tòng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2794- 28/11/2023	3.700	2.200	2.800	3.423	1.300	400	623	

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết 10/10/2025		
39	Trụ sở làm việc Công an xã Muối Nổi, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2792- 28/12/2023	3.700	2.200	3.000	3.297	1.100	400	297	
40	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2797- 27/11/2023	3.700	2.200	2.824	2.945	1.300	424	121	
41	Trụ sở làm việc Công an xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2796- 28/11/2023	3.700	2.200	2.500	3.457	1.700	500	957	
42	Trụ sở làm việc Công an xã Bon Phàng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2789- 28/11/2023	3.700	2.200	2.600	2.813	1.400	300	213	
43	Trụ sở làm việc Công an xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2790- 28/11/2023	3.700	2.200	3.000	3.401	1.100	400	401	
44	Trụ sở làm việc Công an Thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2788- 28/11/2023	3.700	2.200	2.300	3.010	1.900	500	710	
45	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2747- 27/11/2023	3.700	2.200	3.100	3.303	900	300	203	
46	Trụ sở làm việc Công an xã Phiềng Păn, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2727- 27/11/2023	3.197	1.697	2.700	2.850	497		150	
47	Trụ sở làm việc Công an xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2743- 27/11/2023	3.700	2.200	2.250	2.489	2.200	750	239	
48	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2744- 27/11/2023	3.700	2.200	2.832	3.171	1.368	500	339	
49	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Dong, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2780- 28/11/2023	3.700	2.200	2.300	3.411	2.200	800	1.111	
50	Trụ sở làm việc Công an xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2746- 27/11/2023	4.150	2.650	3.400	3.675	2.200	1.450	275	
B	DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN PHÁT SINH NGUỒN THU	38		561.126	561.126	308.620	314.489	319.076	84.044	55.825	
I	Dự án trên địa bàn huyện Vân Hồ	34		228.126	228.126	205.427	211.296	26.076	20.851	5.825	
1	Đầu tư mới công trình nước sinh hoạt bản Bưởi, xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1515 29/11/2019	957	957	850	892	42		42	
2	Sân vận động xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1251 23/9/2019	2.000	2.000	1.871	1.920	999	950	49	

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết 10/10/2025		
3	Xây dựng nhà bia tưởng niệm di tích lịch sử khu căn cứ tỉnh đội bản Tà lạt, xã Song Khua, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hỗ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	896 12/9/2022	1.904	1.904	1.769	1.809	40		40	
4	Sân vận động xã Tô Múa (bao gồm trang thiết bị phục vụ thể dục, thể thao), huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hỗ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	360- 19/4/2023	1.000	1.000	900	940	40		40	
5	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (điện nước sinh hoạt, hệ rãnh thoát nước) các khu vực dân cư khu trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hỗ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	418 04/4/2019	7.467	7.467	6.629	6.777	1.318	1.170	148	
6	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (San nền, đường giao thông, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, nước sinh hoạt) khu dân cư lô số 34	Ban QLDA ĐTXD Văn Hỗ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1410 30/10/2018	6.500	6.500	4.559	4.749	1.020	830	190	
7	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng khu dân cư lô số 16.17.18.20	Ban QLDA ĐTXD Văn Hỗ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1392 30/10/2018	3.907	3.907	3.405	3.504	2.174	2.075	99	
8	Hỗ trợ điện chiếu sáng bản Lúng Xã, Tà Dê, xã Lóng Luông	Ban QLDA ĐTXD Văn Hỗ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	250 12/4/2021	2.730	2.730	2.510	2.555	45		45	
9	Hệ thống cơ sở hạ tầng (điện nước, giao thông) khu bổ sung cấp đất đợt 4, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hỗ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1435 27/10/2017	14.440	14.440	14.050	14.380	3.447	3.117	330	
10	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND, UBND xã Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hỗ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1361 26/10/2018	8.883	8.883	7.950	8.120	420	250	170	
11	Trụ sở Huyện ủy huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hỗ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3196 31/12/2016	60.535	60.535	56.291	56.732	1.800	1.400	400	

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết 10/10/2025		
12	Hoàn thiện, bổ sung đường từ Trung tâm xã Quang Minh đến bản Lôm	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	268 21/3/2022	2.800	2.800	2.270	2.730	3.377	2.917	460	
13	Cầu cứng qua suối bản Tin Tộc, xã Chiềng Khoa, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1329 14/10/2019	2.494	2.494	2.078	2.128	246	196	50	
14	Đường giao thông từ bản Bướn đến bản Sa Lai (khu vực Suối Con), xã Tân Xuân, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	754 21/6/2019	12.000	12.000	10.772	10.922	823	673	150	
15	Đường giao thông liên bản Tàu Dầu - Ün, xã Song Khùa, huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn la	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1393 02/12/2021	3.500	3.500	2.815	3.315	500	500	500	
16	Nâng cấp đường trung tâm xã Song Khùa - Liên Hòa	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1782 22/12/2017	35.384	35.384	33.747	33.864	116		116	
17	Đường giao thông liên xã bản Pơ Tào xã Mường Tè - bản Lôm xã Quang Minh	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	267 21/3/2022	4.500	4.500	4.315	4.368	53		53	
18	Nâng cấp đường bản Tùn - bản Pù Lầu, xã Xuân Nha, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1422 30/10/2018	9.000	9.000	7.455	7.518	1.957	1.894	63	
19	Cầu cứng bản Phụ Mẫu I, xã Chiềng Yên, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1363 24/10/2019	1.694	1.694	1.383	1.413	280	250	30	
20	Đường vào bản Sa Lai (đầu Suối Con và đến trung tâm bản), xã Tân Xuân, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1381 30/10/2019	2.000	2.000	1.770	1.818	627	579	48	

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết 10/10/2025		
21	Nâng cấp, cải tạo đường từ trung tâm xã đi bản Lôm, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Ván Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1339 16/10/2019	6.801	6.801	6.143	6.283	3.057	2.917	140	
22	Đường giao thông từ bản Suối Nậu đến khu tái định cư xen ghép Tường Liên, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Ván Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1524 01/11/2024	1.500	1.500	1.369	1.435	65		65	
23	Hỗ trợ xây dựng đường nội đồng khu vực sản xuất của Hợp tác xã nông nghiệp Tiến Thành Ván Hồ (Nội đồng vùng nguyên liệu)	Ban QLDA ĐTXD Ván Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1512 29/11/2019	750	750	600	740	140		140	
24	Đường nội đồng HTX cây ăn quả Ván Hồ (Khu sản xuất Suối Quanh)	Ban QLDA ĐTXD Ván Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1511 29/11/2019	750	750	600	730	130		130	
25	Hỗ trợ xây dựng đường nội đồng khu vực sản xuất của Hợp tác xã nông trại hữu cơ Ván Hồ (Đoạn từ đầu bản Chùa Tai lên Khu Sân bay thuộc bản Pa Cốp)	Ban QLDA ĐTXD Ván Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1513 29/11/2019	3.600	3.600	2.830	2.890	60		60	
26	Đường giao thông từ bản Bó Má (bản Nôn) - bản Lán, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Ván Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1379 30/10/2019	2.500	2.500	2.132	2.269	137		137	
27	Xử lý ngập úng khu vực dân cư bản Pa Chè, xã Ván Hồ, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Ván Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	392 25/4/2022	4.382	4.382	3.735	4.235	1.534	1.034	500	
28	Thủy lợi bản Bó, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Ván Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1364 24/10/2019	2.901	2.901	2.380	2.420	40		40	
29	Bể chứa nước phục vụ tưới tiêu khu vực sản xuất (HTX nông nghiệp Suối Bàng 100m3/bể)	Ban QLDA ĐTXD Ván Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1517 29/11/2019	900	900	720	858	138		138	

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết 10/10/2025		
30	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, trường tiểu học và THCS xã Xuân Nha, huyện Văn Hồ + Các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1391 02/12/2021	5.500	5.500	4.488	5.088	600	600	600	
31	Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng trường Mầm non trung tâm xã Chiềng Khoa	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1382 02/12/2021	5.000	5.000	4.695	4.745	50		50	
32	Công trình Trường TH và THCS Mường Men	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	344- 14/4/2023	6.416	6.416	5.287	5.904	616		616	
33	Nhà lớp học mầm non bán Pa Đì, xã Suối Bàng, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1400 30/10/2018	857	857	750	800	50		50	
34	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng điểm trường tiểu học trung tâm xã Song Khùa, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	910 14/9/2022	2.574	2.574	2.309	2.445	136		136	
II	Dự án trên địa bàn thành phố	4		333.000	333.000	103.193	103.193	293.000	63.193	50.000	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2237- 25/10/2024	108.000	108.000	10.000	10.000	98.000		20.000	
2	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đáng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND phường Chiềng Coi	1051- 30/5/2021	160.000	160.000	93.193	93.193	130.000	63.193	11.000	
3	Trường Mầm non Quyết Thắng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2497- 03/10/2025	30.000	30.000			30.000		9.500	
4	Trường Mầm non Bé Văn Đàn, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2340- 16/9/2025	35.000	35.000			35.000		9.500	
C	DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÓ NHU CẦU BỔ SUNG VỐN VÀ CÓ KHẢ NĂNG GIẢI NGÂN	10		2.391.445	1.935.293	735.318	591.297	1.024.507	55.538	104.458	
I	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi thủy sản	2		347.420	190.420	185.810	187.880	190.438	36.551	14.851	

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết 10/10/2025		
				Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh						
1	Dự án Kè suối Nậm La (đoạn từ Hồ Tuổi trẻ - đến Cầu Tông Panh)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1540-01/8/2024; 708-28/3/2025	267.638	110.638	149.259	151.329	110.638		2.851	
2	Dự án thoát lũ khu vực Chiềng Sinh về trung tâm thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2647-29/10/2021	79.782	79.782	36.551	36.551	79.800	36.551	12.000	
II	Giao thông	5		1.858.242	1.559.090	537.671	387.243	784.069	17.150	72.807	
1	Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND phường Mộc Châu	271-29/4/2021	600.000	330.000	351.668	252.134	257.282	8.950	18.733	
2	Dự án ĐT.107C (từ xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến xã Nậm Sớ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu)	UBND xã Mường Chiến	503-05/3/2025	245.000	245.000	18.200	18.033	72.718	3.200	12.000	
3	Dự án Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngần (đoạn Km 2+327m - Km 7+527m), thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Sinh	2180-18/10/2024	130.000	130.000	38.000	37.870	35.364		15.000	
4	Dự án Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát), xã Chiềng Khay (bản Mùn), huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2667-09/12/2023	183.242	154.090	64.452	64.452	118.790		15.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	UBND xã Yên Châu, UBND xã Tạ Khoa	562-13/3/2025	700.000	700.000	65.351	14.754	299.915	5.000	12.074	
III	Văn hóa, thể thao, Du lịch	1		13.784	13.784	737	9.549	14.000	737	5.000	
1	Dự án Sân thể thao các xã trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai	UBND xã Quỳnh Nhai	523-06/3/2025	13.784	13.784	737	9.549	14.000	737	5.000	
IV	Y tế, dân số và gia đình	1		3.998	3.998	1.100	2.478	4.000	1.100	2.800	
1	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	2873-23/11/2021	3.998	3.998	1.100	2.478	4.000	1.100	2.800	
V	Công nghiệp, điện	1		168.000	168.000	10.000	4.147	32.000		9.000	
1	Dự án Di chuyển đường dây 110kV Mộc Châu - Mai Châu, Hòa Bình	Ban QLDA dân dụng công nghiệp và PTDT	89-13/01/2025	168.000	168.000	10.000	4.147	32.000		9.000	